

Kính gửi: Vụ Hợp tác quốc tế-Bộ Nông nghiệp &PTNT.

Phúc đáp Công văn số 2704/BNN-HTQT ngày 28/4/2023 về việc ra soát cập nhật hợp tác với Hà Lan về biến đổi khí hậu và quản lý nước của Vụ Hợp tác quốc tế-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm xây dựng Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam-Hà Lan về thích ứng biến đổi khí hậu và quản lý nước, dự kiến tổ chức tại Hà Lan cuối tháng 6/2023, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam báo cáo như sau:

1. Về hợp tác với Hà Lan:

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các chức năng và nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch thủy lợi các tỉnh thành phía Nam, đặc biệt có nhiều kinh nghiệm trong quy hoạch thủy lợi và các vấn đề liên quan đến nguồn nước Đồng bằng sông Cửu Long và lưu vực Mê Công từ những năm 1975 đến nay. Trong thời gian gần đây, đặc biệt là sau 2012 khi Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, Viện không có bất kỳ hợp tác nào với Hà Lan về biến đổi khí hậu và quản lý nước.

2. Về nội dung đề xuất hợp tác:

Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở hạ nguồn sông Mê Công nên chịu nhiều tác động cả về tự nhiên cũng như hoạt động trên lưu vực cũng như tại Đồng bằng. Tăng trưởng dân số nhanh chóng, đầu tư tăng mạnh cho hạ tầng cơ sở liên quan đến nước, thiên tai khắc nghiệt, hoạt động của con người và biến đổi khí hậu đã và đang đặt ra những nguy cơ to lớn cho công tác quản lý và phát triển nguồn nước sông Mê Công. Việc quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên của lưu vực sông Mê Công đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực. Hà Lan là một quốc gia được đánh giá có kinh nghiệm trong quản lý tài nguyên nước trên thế giới, có điều kiện tương tự vùng Đồng bằng sông Cửu Long, do đó việc hợp tác với Hà Lan để có thêm hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tài chính là việc làm rất cần thiết.

Từ những kinh nghiệm thực tiễn và các vấn đề nảy sinh trong vùng, Viện đề nghị một số vấn đề cần được hợp tác để có thể chia sẻ kinh nghiệm cũng như những hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tài chính như sau:

2.1 Vấn đề bảo vệ chất và lượng nước, nhất là trong mùa cạn. Ở Đồng bằng sông Cửu Long vùng ven biển có thể rải vụ sử dụng nước trong mùa mưa, nhưng trong mùa khô rất cần nguồn nước ngọt đầy mặn để sản xuất, bảo đảm nước sinh hoạt và chăn nuôi) đồng thời đảm bảo nguồn nước để cải thiện môi trường sinh thái. Vì vậy, bảo vệ nước mùa cạn là vấn đề sống còn của ĐBSCL. Hiện nay, Việt Nam là quốc gia sử dụng nước mùa kiệt lớn trong 4 quốc gia, chủ yếu là tưới nông nghiệp. Nhu cầu dùng nước của các quốc gia thượng nguồn gia tăng là một vấn đề tất yếu. Vấn đề chuyển nước ở thượng nguồn dự kiến ở Thái Lan, xây dựng tuyến giao thông thủy ở Campuchia,... có nguy cơ làm giảm dòng chảy trong mùa kiệt về ĐBSCL dễ dẫn đến tranh chấp về sử dụng nước mùa khô trong vùng. Để tiếp tục vận dụng nguyên tắc “bảo đảm chất lượng và lưu lượng nước tối thiểu để duy trì tình hình hoạt động bình thường của một con sông”: quyền sử dụng trước nguyên tắc ngăn ngừa và ngừng những ảnh hưởng có hại để bảo vệ bền vững sông Mê Công và bảo vệ quyền dùng nước của các nước như đã đề xuất trong Hiệp định 1995, một nghiên cứu cập nhật tình hình về nguồn nước trên lưu vực sông Mê Công trong bối cảnh mới về biến đổi khí hậu cũng như những dự kiến khai thác nguồn nước cần được thực hiện và đánh giá một cách đầy đủ.

2.2 Vấn đề phát triển nuôi trồng thủy sản (tôm nước lợ) ổn định, bền vững và theo hướng tăng trưởng xanh:

Phát triển thủy sản là định hướng lớn của vùng ĐBSCL, phù hợp Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH: thủy sản là trụ cột chính trong 3 sản phẩm nông nghiệp chiến lược của Đồng bằng.

Vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với diện tích gần 1 triệu ha có thời gian ảnh hưởng mặn từ 6-12 tháng trong năm, nên tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước mặn lợ là rất lớn. Tính đến thời điểm hiện tại, diện tích NTTS vùng ven biển chiếm khoảng 35% tỷ lệ diện tích nuôi trồng so với cả nước. Hiện nay, NTTS ở vùng ven biển của Đồng bằng đang tập trung phát triển các mô hình nuôi chính, gồm nuôi tôm sú, tôm thẻ thâm canh – bán thâm canh (TC-BTC), nuôi quảng canh – quảng canh cải tiến (QC-QCCT), tôm – lúa, tôm – rừng. Việc phát triển NTTS ở vùng trong những năm gần đây đã đạt được những thành tựu to lớn nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) trong quản lý nguồn nước cấp – thoát, kỹ thuật nuôi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển NTTS ở vùng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức từ thực trạng về hạ tầng công trình phục vụ quản lý nguồn nước, từ biến đổi chất lượng nguồn nước cấp, cụ thể như sau:

(i) Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nhất là chưa có hệ thống thủy lợi (HTTL) hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu cấp – thoát nước tách rời cho thủy sản, mà đặc biệt là đối với mô hình nuôi TC-BTC. Phần lớn hệ thống các cấp kênh đều được vận hành sử dụng chung cho việc cấp và tiêu thoát, do đó nguy cơ lây lan nguồn ô nhiễm là rất lớn khi xảy ra dịch bệnh;

(ii) Do yêu cầu về phát triển KT-XH, nên nguy cơ về ô nhiễm nguồn nước mặt từ các nguồn nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp,... là ngày một gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nguồn nước cấp cho NTTS;

(iii) Hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt, nối thông nhau nên cản trở việc bố trí hệ thống kênh cấp – kênh thoát riêng biệt. Bên cạnh đó, nhiều khu vực lại chịu ảnh hưởng của hiện tượng giáp nước (như vùng ven biển Bán đảo Cà Mau) nên gây khó khăn cho cấp, tiêu thoát nước.

Các nghiên cứu trước đây do các cơ quan, đơn vị thực hiện cũng như thực tiễn sản xuất cho thấy rằng, giải pháp cấp thoát nước tách rời theo mặt bằng (kênh cấp riêng, kênh thoát riêng) là giải pháp tối ưu nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về nguồn nước cho NTTS. Trước thực trạng và yêu cầu đó, giải pháp bơm nước biển từ ngoài khơi vào ao trữ rồi cấp cho ao nuôi và biến toàn bộ hệ thống kênh còn lại làm nhiệm vụ tiêu thoát nước đã áp dụng vào thực tiễn, bao gồm cả doanh nghiệp đầu tư và hộ dân tự đầu tư và bước đầu đã cho thấy hiệu quả.

Giải pháp cấp nước ngoài khơi bằng hệ thống đường ống và trạm bơm thì đòi hỏi chi phí quá cao, kỹ thuật phức tạp chỉ phù hợp với tiềm lực tài chính đối với các doanh nghiệp, còn đối với người dân thì không có khả năng. Vậy phải làm gì, làm như thế nào, và bằng giải pháp nào để có thể giải quyết tốt vấn đề cấp–thoát nước tách rời riêng biệt cho NTTS vùng ven biển của ĐBSCL để đảm bảo phù hợp với đặc điểm sản xuất của người dân, góp phần phát triển KT-XH vùng ven biển là vấn đề cần được giải quyết.

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực bán đảo thấp và phẳng, giáp biển có gió biển ven bờ mạnh khoảng 6-7 mét/giây có tiềm năng khai thác năng lượng gió để phục vụ cho các mục đích như điện gió, lợi dụng sức gió để bơm nước,...

Nước biển ven bờ ở ĐBSCL về tổng thể có chất lượng tốt đáp ứng được các yêu cầu cao trong NTTS, ngoài trừ độ đục cao cần lắng đọng.

Xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn NTTS (yêu cầu cấp nước biển sạch, hệ thống cấp nước phải tách rời với hệ thống thoát nước) và tiềm năng về năng lượng gió, việc nghiên cứu giải pháp công trình lợi dụng sức gió như “Cối xoay gió”, “Guồng quay nước” để vận chuyển nước biển ven bờ vào ao chứa để cấp nước cho vùng NTTS tập trung là hết sức có ý nghĩa và cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Với những lý do trình bày ở trên, đề xuất thực hiện ***“Nghiên cứu ứng dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, máy bơm nước trực tiếp từ cối xoay gió),... để cấp nước biển ven bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven***

biển Đồng bằng sông Cửu Long” với mục tiêu là đề xuất được giải pháp công trình lợi dụng sức gió, năng lượng mặt trời để vận chuyển nước biển từ gần bờ đảm bảo chất lượng cung cấp cho các khu vực nuôi tập trung.

2.3 Ngoài ra, Viện đề nghị thêm một số nội dung nghiên cứu hợp tác như sau:

- Đề xuất trao đổi với phía Hà Lan về hỗ trợ nghiên cứu xây dựng các kịch bản Biến đổi khí hậu – Nước biển dâng (BĐKH – NBD) chi tiết cho lưu vực sông Cửu Long.

- Đề xuất xây dựng các kịch bản ứng phó với BĐKH –NBD cho hệ thống hạ tầng cơ sở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng